

ĐỀ CHÍNH THỨC

(Đề có 02 trang)

I. PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (3.0 điểm)

Lưu ý: Thí sinh viết câu trả lời bằng chữ IN HOA vào giấy làm bài.

Câu 1. Điền vào chỗ trống các từ ngữ phù hợp để hoàn thành nhận định sau: “Điểm nhìn trong truyện kể gắn với [...], được hiểu là [...]”.

- A. lời kể, góc độ quan sát hiện thực
- B. lời người kể chuyện, góc độ đánh giá hiện thực
- C. người kể chuyện, vị trí để quan sát, trần thuật, đánh giá
- D. tư tưởng của tác giả, vị trí để quan sát và đánh giá hiện thực

Câu 2. Đặc điểm nào sau đây đúng với đặc trưng của thể loại truyện ngắn hiện đại?

- A. Câu chuyện luôn được kể theo trình tự thời gian và sự kiện.
- B. Ngắn gọn; chi tiết chất lọc, dồn nén; trần thuật theo bút pháp chấm phá.
- C. Người kể chuyện luôn biết hết mọi vấn đề và lúc nào cũng khách quan khi kể.
- D. Là thể loại ngắn gọn, kể theo trình tự không gian thời gian, chi tiết cô đọng, người kể luôn khách quan nhìn nhận vấn đề.

Câu 3. Dòng nào sau đây không phải là đặc điểm của ngôn ngữ nói?

- A. Ngôn ngữ nói là ngôn ngữ âm thanh.
- B. Ngôn ngữ nói đa dạng về ngữ điệu.
- C. Ngôn ngữ nói sử dụng nhiều lớp từ, kiểu câu đa dạng.
- D. Ngôn ngữ nói là ngôn ngữ tinh luyện và trau chuốt.

Câu 4. Một bản tin được phát thanh viên đọc trên truyền hình là hình thức của:

- A. ngôn ngữ viết.
- B. ngôn ngữ dân tộc được chất lọc.
- C. ngôn ngữ nói.
- D. ngôn ngữ trau chuốt, mang tính hình tượng và thẩm mỹ.

Câu 5. Nhận định nào sau đây là sai?

- A. Cấu tứ là một khâu then chốt, mang tính chất kết thúc của hoạt động sáng tạo nghệ thuật nói chung và sáng tạo thơ nói riêng.
- B. Sản phẩm của hoạt động cấu tứ trong thơ là tứ thơ (thường được gọi đơn giản là tứ).
- C. Mỗi bài thơ thường có một cách cấu tứ và một cái tứ riêng.
- D. Nhờ có tứ, tổ chức của bài thơ trở nên chặt chẽ, mọi yếu tố cấu tạo đều liên hệ mật thiết với nhau và đều hướng về một ý tưởng – hình ảnh trung tâm.

Câu 6. Tác dụng của tứ trong bài thơ là:

- A. giúp bài thơ thoát khỏi sơ đồ ý khô khan, trừu tượng; tổ chức bài thơ trở nên chặt chẽ.
- B. giúp hình dung hướng phát triển của hình tượng thơ và cách triển khai bài thơ.
- C. tạo nên sự thống nhất về cảm xúc, cảm giác, nhận thức của nhà thơ trong bài thơ.
- D. giúp tìm ra những phát hiện độc đáo của nhà thơ về con người, cuộc sống.

Câu 7. Điền vào chỗ trống phương án đúng: Trong một bài thơ có yếu tố tượng trưng, tác giả thường chú ý làm nổi bật tính ... của các chi tiết, hình ảnh, sự việc.

- A. biểu tượng
- B. chính xác
- C. cụ thể
- D. hàm súc

Câu 8. Tính chất nào sau đây không phải là tính chất của ngôn ngữ văn học?

- A. Tính chính xác
- B. Tính đa nghĩa
- C. Tính khẩu ngữ
- D. Tính hình tượng.

Câu 9. Nghĩa mới, nghĩa phát sinh của ngôn từ trong tác phẩm văn chương được hình thành khi:

- A. tác giả sử dụng cách nói hàm ý.
- B. từ được đặt trong những cấu trúc hay ngữ cảnh đặc biệt.
- C. tác giả dùng bút pháp chấm phá.
- D. từ mang trong nó sức gợi vô tận.

Câu 10. Xác định hiện tượng phá vỡ qui tắc ngôn ngữ trong sáng tác văn học ở hai câu thơ sau: “Thôn Đoài ngồi nhớ thôn Đông/Một người chín nhớ mười mong một người” (Tương tư - Nguyễn Bính)

- A. Cung cấp nét nghĩa mới cho từ ngữ.
- B. Sử dụng hình thức đảo ngữ.
- C. Tạo ra những kết hợp từ trái logic.
- D. Cả 3 phương án trên.

Câu 11. Tác dụng của hình thức đảo ngữ trong hai câu thơ: “Đẹp lắm anh ơi! Con sông Ngân Phố!// Sáng cả đôi bờ hoa bưởi trắng phau”. (Mùa hoa bưởi – Tô Hùng)

- A. Nhấn mạnh vẻ đẹp tinh khôi của hoa bưởi và sự thơ mộng của con sông Ngân Phố trong mùa hoa.
- B. Tô đậm sức sống mãnh liệt của hoa bưởi và vẻ đẹp dịu dàng con sông Ngân Phố trong mùa hoa.
- C. Khắc họa nét duyên dáng của hoa bưởi và vẻ đẹp hùng vĩ con sông Ngân Phố trong mùa hoa.
- D. Mô phỏng hình dáng mềm mại của hoa bưởi và vẻ đẹp bất tận của con sông Ngân Phố trong mùa hoa.

Câu 12. Đoạn thơ sau sử dụng:

Màu thời gian không xanh
Màu thời gian tím ngắt
Hương thời gian không nồng
Hương thời gian thanh thanh

(“Màu thời gian” – Đoàn Phú Tứ)

- A. yếu tố tượng trưng B. yếu tố hàm ẩn C. yếu tố hàm súc D. yếu tố dân tộc

II. PHẦN II: TỰ LUẬN (7.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

Cha - người phu xe¹ già vô tư
bạn cùng con qua năm tháng
cha - mảnh vườn xanh ả nấu
đội mình con tung tăng

Cha - cây thông rừng hiên ngang
chấn cùng con bão tố
cha - bình minh đầm nắng
ấm chân con đêm trường

Cha - loài chim sơn ca
mỗi ban mai trước cửa phòng con lách lút
cha - con cò già siêng học
thức cùng con vở bài

Con đi học xa nhà
(có lần chim quên hót)
con cò già biếng học
(trốn trong vườn lang thang!)

Người phu già cô đơn
chờ chiều thỉnh thoảng nắng

cây thông trùm mây trắng
tự không sầu vì vu!

Con đã thuộc bài chưa?
phổ phường mưa hay nắng?
bữa cơm chiều có cạn?
bạn con - người Bắc, Nam?

Con đã thuộc bài chưa?
em con giờ đã ngủ
mẹ vẫn ngày hai bữa
(cha vẫn đi làm thêm...)

Này đây tiền cho con
này cũng tiền con nữa
này đây dồn mấy bữa
đội con về liên hoan!

Tết này con về chưa?
chim sơn ca lại hót
con cò già lại học
người phu già lại vui!

(Bài thơ không dám gửi cho con, Trương Vũ Thiên An
- Nguồn: Báo Quảng Nam, ngày 07/09/2014)

Tác giả Trương Vũ Thiên An (1960 – 2021) tên thật là Trương Văn Quang, quê ở Quảng Trị. Sáng tác của ông khá đa dạng, với nhiều thể loại khác nhau: thơ, truyện ngắn, phê bình văn học... Là thầy giáo dạy văn, chuyện làm thơ viết văn với Trương Vũ Thiên An không chỉ là đam mê, mà còn là sự thị phạm cần thiết cho học trò. Thơ ông giản dị, ân cần, giàu xúc cảm, thể hiện cách nhìn đời sâu sắc, đa chiều. Các tác phẩm đã xuất bản: *Gác chân lên cô đơn* (tập truyện ngắn và phê bình, NXB Hội Nhà văn, 2013), *Tạ* (tập thơ, NXB Hội Nhà văn, 2018), *Mặt trời trong xác lá* (tập thơ, NXB Hội Nhà văn, 2020).

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Xác định thể thơ và chủ thể trữ tình của bài thơ trên. (1.0 điểm)

Câu 2. Căn cứ vào mạch cảm xúc của bài thơ, anh/chị hãy nhận xét về sự thay đổi trong tình cảm, cảm xúc của người cha qua các câu thơ: “Cha – người phu xe già vô tư/bạn cùng con qua năm tháng” và “Người phu già cô đơn/chờ chiều thỉnh thoảng nắng”? (1.0 điểm)

Câu 3. Ghi lại một bài học có ý nghĩa sâu sắc mà anh/chị rút ra được sau khi đọc bài thơ. (1.0 điểm)

Câu 4. Viết đoạn văn ngắn (khoảng 01 trang giấy thi) trình bày cảm nhận về một khổ thơ mà anh/chị tâm đắc nhất trong bài thơ. (4.0 điểm)

¹ Phu xe: người làm nghề chở khách

.....Hết.....

ĐÁP ÁN CHÍNH THỨC

(Đáp án có 01 trang)

HƯỚNG DẪN CHẤM

I. PHẦN 1: TRẮC NGHIỆM (3.0 điểm)

Mỗi câu trả lời đúng: 0.25 điểm.

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
C	B	D	A	A	A	A	C	B	A	A	A

II. PHẦN 2: TỰ LUẬN (7.0 điểm)

Câu	Gợi ý đáp án	Điểm
1	- Thể thơ: Tự do - Chủ thể trữ tình: người cha với nỗi nhớ thương, lo lắng, mong ngóng cho đứa con đi học xa.	0.5 0.5
2	- Sự thay đổi trong tình cảm, cảm xúc của người cha: + Khi con chưa đi học xa nhà: người cha vui vẻ, hạnh phúc. + Khi con đi học xa: người cha cảm giác cô đơn, trống trải... - Sự thay đổi trong tình cảm, cảm xúc đó được thể hiện qua các từ ngữ, hình ảnh: <i>người phu xe già/ người phu già, vô tư, cô đơn...</i> → Qua sự thay đổi ta thấy được tình cảm yêu thương vô bờ bến của người cha dành cho con...	0.5 0.5
3	- Học sinh cần rút ra bài học từ nội dung văn bản. Một số gợi ý: + Cảm nhận được tình thương, sự lo lắng mà cha dành cho con → trân trọng tình cảm gia đình. + Cảm nhận được tình phụ tử mộc mạc mà sâu sắc, thiêng liêng → hiếu thảo với bậc sinh thành. <i>Lưu ý: Học sinh có thể trình bày theo hình thức gạch đầu dòng hoặc viết đoạn văn. Giáo viên không trừ điểm hình thức trình bày ở câu đọc hiểu này.</i>	1.0
4	- Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận: mở đoạn giới thiệu vấn đề, thân đoạn triển khai vấn đề, kết đoạn khẳng định vấn đề. - Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Giới thiệu được khổ thơ yêu thích, bám sát phân tích khổ thơ. - Triển khai vấn đề cần nghị luận: + Nêu bao quát nội dung khổ thơ → 0.5 điểm. + Phân tích, đánh giá các đặc sắc nội dung và nghệ thuật của khổ thơ → 1.0 điểm. + Chỉ ra được vai trò/giá trị/ý nghĩa của khổ thơ với tổng thể bài thơ → 0.5 điểm. - Chính tả, ngữ pháp: đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. - Sáng tạo: bài làm có những cảm nhận sâu sắc và mới mẻ.	0.5 0.5 2.0 0.5 0.5